TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21-6-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

2. Bà Trần Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 253/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991; thường trú: Thị trấn S, huyện S, tỉnh L; tạm trú: Số 21/9Đ, khu phố Đ 2, phường A, thành phố A, tỉnh D. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn T, sinh năm 1988; thường trú: Thôn T, xã T, huyện M, tỉnh Đ; tạm trú: Số 20/9Đ, khu phố Đ 2, phường A, thành phố A, tỉnh D. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị T và anh T có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 03 năm thì tiến đến hôn nhân. Vợ chồng có tổ chức lễ cưới và

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S, tỉnh L theo giấy chứng nhận kết hôn số 60 ngày 31/7/2017. Việc kết hôn là tự nguyện không bị ai ép buộc.

Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại Số 20/9Đ, khu phố Đ 2, phường A, thành phố A, tỉnh D. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh đập nhau. Vợ chồng đã cố gắng hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm, chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống. Chị T xác định vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

+ Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Ngọc L, sinh ngày 21/9/2017. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi cháu L và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 20/5/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn T trình bày:

Thống nhất lời trình bày của chị T về thời gian hai vợ chồng tìm hiểu, chung sống cũng như đăng ký kết hôn.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống. Anh T thừa nhận bản thân anh chưa làm tròn bổn phận của người chồng, người cha, không chăm lo được cho vợ và con. Chị T nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T vẫn cố chấp không thay đổi nên mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Anh T xác định tình cảm vợ chồng đã không còn nên anh đồng ý ly hôn.

+ Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Ngọc L, sinh ngày 21/9/2017. Khi ly hôn anh T đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Mâu thuẫn giữa anh T và chị T đã thực sự trầm trọng, các đương sự cũng thừa nhận vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được và đồng ý ly hôn nên có căn cứ giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Về con chung anh T đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của T về việc không yêu cầu chị anh T

có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị T khởi kiện anh Lê Văn T yêu cầu được ly hôn nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Văn T có nơi cư trú tại Số 20/9Đ, khu phố Đ 2, phường A, thành phố A, tỉnh D nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 35 và Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S, tỉnh L theo giấy chứng nhận kết hôn số 60 ngày 31/7/2017 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Anh T và chị T đều xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc được một khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, anh T không quan tâm chăm lo cho vợ và con. Hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh đập nhau. Vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm, chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống. Anh T và chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn. Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Tuy nhiên, do mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T đã diễn ra trong thời gian dài, cả hai không có giải pháp nào để khắc phục và không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không mang lại hạnh phúc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị T yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Ngọc L, sinh ngày 21/9/2017. Khi ly hôn anh T đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Khi giải quyết việc ly hôn cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy anh T đồng ý giao con chung cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chị T đồng ý và không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó cần giao cháu Linh cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các Điều 229, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T đối với anh Lê Văn T về việc ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lê Văn T (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 60 ngày 31/7/2017 do Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S, tỉnh L cấp).

- Về con chung: Anh Lê Văn T có trách nhiệm giao con chung tên Lê Ngọc Linh, sinh ngày 21/9/2017 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị T có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003707 ngày 13/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND thị trấn S, huyện S, tỉnh L;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Viết Nam